

Bản án số: 24/ 2020/ HS - ST
Ngày: 19 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Sơn

Ông Lưu Xuân Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2020/ TLST - HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Xuân B**, sinh ngày 06/7/1958, tại: huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn N(đã chết) và bà: Đỗ Thị P(đã chết); bị cáo có vợ là: Nguyễn Thị Ch– sinh năm 1958, có 02 con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không.

****Nhân thân:***

Tại Bản án số 10 ngày 13/7/1991 của Tòa án huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà B (nay là huyện Hiệp Hòa tỉnh B Giang) xử phạt Lê Xuân B 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa.

Tại Bản án số 23 ngày 17/10/1994 Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố Sông Công) xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Bản án số 32 ngày 13/5/2013, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Gá bạc.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/12/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

-Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân B:

Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1972 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- *Người bị hại:*

Ông Nguyễn H, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ dân phố 2A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ dân phố 2A, phường P, thành phố Sg, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ dân phố 2A, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chị Dương Thị Th, sinh năm 1992; Trú tại: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995; Trú tại: Xóm C, xã Tr, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

Ông Ngô Văn Ng, sinh năm 1974; Trú tại: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

Anh Vũ Minh T, sinh năm 1987; Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ dân phố H, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2015 đến tháng 6/2017 Lê Xuân B ký hợp đồng lao động tại công ty bảo vệ An Việt và được phân công làm bảo vệ tại trường THCS Thắng Lợi, thành phố Sông Công. Trong thời gian trên B gặp và quen ông Nguyễn H trú tại TDP 2A, phường Phố Cò, Tp Sông Công, biết ông H có con là chị Nguyễn Thị Thu H1 đang học trường cao đẳng sư phạm Thái Nguyên sắp tốt nghiệp có nguyện vọng xin làm giáo viên, B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông H nên nói với ông H rằng trường THCS xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang (quê của B) đang thiếu 01 chỉ tiêu giáo viên dạy môn sinh hóa, B có nhiều mối quan hệ ở huyện Hiệp Hòa và sở Nội vụ tỉnh B Giang nhưng nhà B không có con, cháu học ngành sư phạm. B còn nói có thể nộp hồ sơ trước khi chị H1 tốt nghiệp, khi nào có bằng thì nộp bổ sung sau để tránh người khác nộp hồ sơ xin vào biên chế trước, nên ông H đã tin tưởng B có thể xin được việc cho con ông H. Từ ngày 04/4/2016 đến ngày 23/01/2017 ông H nhiều lần đưa tiền cho B với mục đích xin việc cho chị H1. Trước mỗi lần muốn nhận tiền của ông H, B đều gọi điện thoại cho ông H và nói các nội dung cần chi phí cho việc xin việc như: cần tiền làm chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, tiền đóng phong bì cảm ơn các phòng ban huyện, các lãnh đạo ngành giáo dục và trường THCS Thanh Vân, tiền lo việc thi công chức, làm phong bì cho hội đồng chấm thao giảng... Tài liệu điều tra đã xác định trong khoảng thời gian trên B đã 09 lần nhận của ông H với tổng số tiền 265.100.000đ, mỗi lần nhận tiền B đều ký nhận vào sổ của ông H và B hứa hẹn đến tháng

11/2016 có đợt thi công chức, sau đó sẽ có quyết định tuyển dụng đối với chị H1. Qua thời điểm tháng 11/2016 một thời gian không thấy có quyết định tuyển dụng, gia đình ông H nhiều lần gặp hỏi B, B tiếp tục nói dối ông H đã có quyết định tuyển dụng chị H1 vào biên chế, B hướng dẫn chị H1 viết đơn đi học liên thông từ cao đẳng lên đại học để ông H tạm yên tâm, nhưng thực chất, chị H1 không đủ điều kiện ứng tuyển tại THCS Thanh Vân, và tại địa bàn huyện Hiệp Hòa không nhận hồ sơ xin việc nào của chị H1.

Khi thấy ông H tin mình, B tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, B đưa ra thông tin đã từng làm tổ trưởng bảo vệ tại Công ty mani có địa chỉ xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên nên B có 02 xuất ngoại giao có thể xin việc được vào làm công nhân với giá 26.000.000 đ một xuất. B nói đưa trước cho B 11.000.000 đ, khi nào được nhận đi làm thì thanh toán số tiền còn lại 15.000.000 đ. Tháng 5, tháng 6 năm 2017 do tin tưởng B có khả năng xin việc ở công ty Mani nên ông H đã ứng tiền đưa B 22.000.000 đ nhờ xin việc cho 02 người cháu ông H. Về phần B, Sau khi nhận số tiền nhờ xin việc cho con và 02 cháu ông H, B không có khả năng xin việc cho ai mà sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân đến tháng 7/2017 B chấm dứt hợp đồng làm bảo vệ tại trường THCS Thắng Lợi, bỏ đi làm việc ở nhiều nơi khác nhau. Đến ngày 26/8/2017 gia đình ông H tìm được B, B đã viết giấy cam kết sẽ trả số tiền 287.100.000đ do B lừa đảo chiếm đoạt của ông H trước ngày 15/9/2017.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại giấy cam kết lập ngày 26/8/2017. Tại Kết luận giám định số 1327 ngày 30/9/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên Kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Lê Xuân B trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu M1, M2, M3) so với chữ ký, chữ viết của Lê Xuân B trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu A1, A2) do cùng một người ký viết ra.

Chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thu H1 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu M4, M5) so với chữ viết của Nguyễn Thị Thu H1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu A3, A4) do cùng một người viết ra.

Vật chứng của vụ án: số tiền 287.100.000 đ bị cáo chiếm đoạt của ông H bị cáo B đã tiêu sài hết đến nay không thu hồi được, đối với quyền sở ghi chép các mã chuyển tiền giữa ông H với bị cáo, do ngày 26/8/2017 B viết giấy cam kết sẽ trả số tiền chiếm đoạt nên ông H đã trả lại cho B quyền sở trên và B đã vứt bỏ, đến nay không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: ông H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 287.100.000đ, đến nay B chưa bồi thường được khoản nào.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Xuân B đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 23/ CT - VKS ngày 02/ 4/ 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lê Xuân B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề Ng Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3

Điều 174; điểm s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm g, khoản 1 Điều 52 ; xử phạt bị cáo B từ 09 đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Xuân B bồi thường cho bị hại ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị M số tiền 287.100.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo B.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm đề Ng của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại s, x khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề Ng miễn án phí hình sự, dân sự đối với bị cáo B; xem xét việc bị cáo là người có công với cách mạng để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể là 07 năm tù. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đề Ng giữ nguyên mức hình phạt đã đề Ng đối với bị cáo.

Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, đến nay bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được, có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng từ ngày 04/4/2016 đến tháng 7/2017 tại nhà ông Nguyễn H địa chỉ tổ dân phố 2A, phường Phố Cò, thành phố Sông Công bằng thủ đoạn đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc có khả năng xin việc làm, Lê Xuân B đã khiến ông H tin tưởng giao tiền, tổng cộng 14 lần với tổng số tiền là 287.100.000đ B đã chiếm đoạt của ông H.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Xuân B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo sinh ra, lớn lên tại địa phương, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 07/10 thì ở nhà làm ăn sinh sống từ đó đến nay. Từ năm 1978 -1981 bị cáo có đi bộ đội và tham gia chiến tranh biên giới Lạng Sơn và bị thương. Sau khi xuất ngũ bị cáo trở về địa phương. Từ năm 2015 – đến 2017 bị cáo làm việc cho Công ty bảo vệ An Việt, sau đó nghỉ làm và làm lao động tự do cho đến nay.

Bị cáo có nhân thân xấu đã 03 lần bị xét xử về tội do lỗi cố ý, trong đó có 01 lần bị xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là thương binh nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Lợi dụng lòng tin của bị hại, bị cáo đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật về bản thân làm cho người bị hại tin tưởng và tự nguyện giao tiền nhiều lần, rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt để lấy tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn (287.100.000), bị cáo là người có nhân thân xấu, và phạm tội rất nghiêm trọng. Nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xét xử phạt bằng hình phạt phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo đủ điều kiện răn đe, phòng ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc đến hậu quả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, để xét xử mức án phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận về mức tiền bồi thường giữa bị cáo và bị hại số tiền 287.100.000 đồng. Buộc bị cáo B phải trả cho bị hại ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị M số tiền 287.100.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo B bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là người có công với cách mạng, tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát, người bào chữa xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Ng quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo B.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s,x, khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Ng quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Xuân B** phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.

***Xử phạt:** bị cáo Lê Xuân B **10** (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2019.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

***Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thỏa thuận mức bồi thường giữa bị cáo và bị hại số tiền 287.100.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Xuân B trả cho bị hại ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị M số tiền 287.100.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu L pháp luật, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo B chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

7. Về án phí: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo B.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại biết có được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ; báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sông Công;
 - VKSND tỉnh Thái Nguyên;
 - Công an TP Sông Công;
 - Chi cục THADS TP Sông Công.
 - Bị cáo; bị hại, NLQ;
 - UBND xã Hoàng Lương.
- (Thông báo kết quả xét xử);*
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bình